

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SẢN XUẤT RAU CỦA HỘ NÔNG DÂN TẠI HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI

Nguyễn Hữu Nhuận^{1*}, Nguyễn Thị Thu Huyền¹, Nguyễn Ngọc Vinh²

¹*Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

²*Viện Kinh tế và Phát triển, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: nhnhuan@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 12.06.2020

Ngày chấp nhận đăng: 30.07.2020

TÓM TẮT

Bắc Hà có tiềm năng phát triển sản xuất rau nhưng hiệu quả sản xuất chưa cao. Nghiên cứu nhằm đánh giá hiệu quả và đề xuất giải pháp phát triển sản xuất rau cho nông hộ trên địa bàn huyện. Nghiên cứu được tiến hành thông qua điều tra hộ sản xuất rau và phỏng vấn sâu các tác nhân quản lý và kinh doanh rau tại huyện. Kết quả nghiên cứu cho thấy trên địa bàn hiện nay tồn tại ba hệ thống sản xuất rau chính: hệ thống sản xuất Rau - Rau; Cây ăn quả ôn đới - Rau và Lúa - Rau. Trong các hệ thống sản xuất này, sản xuất bắp cải trái vụ cho thu nhập cao hơn so với sản xuất các loại rau khác. Các loại rau cải chủ yếu được tiêu thụ trong tỉnh, trừ rau trái vụ. Lượng cung rau trái vụ thấp hơn nhiều so với nhu cầu thị trường trong và ngoài tỉnh. Khó khăn chính của hộ trong sản xuất bao gồm nhận thức và năng lực sản xuất rau chưa cao, khả năng tiếp cận thị trường hạn chế, tiêu thụ và giá bán sản phẩm không ổn định, thiếu nguồn lực đầu vào. Nghiên cứu đề xuất thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực sản xuất và tiếp cận thị trường, đặc biệt đối với rau bản địa và rau trái vụ để nâng cao hiệu quả sản xuất rau trên địa bàn huyện.

Từ khóa: Sản xuất rau, hộ nông dân, Bắc Hà, Lào Cai.

Evaluating the Efficiency of Vegetable Production of Farm Households in Bac Ha District, Lao Cai Province

ABSTRACT

Bac Ha has a potential to develop vegetable production, but production efficiency is not high. The study aims to evaluate the efficiency and propose solutions to develop vegetable production for farmers in the district. The research was conducted through surveys of vegetable producers and in-depth interviews with vegetable managers and traders in the district. The study's results show that there are three main vegetable production systems in the province, including the Vegetable-Vegetable production system; Temperate fruits - vegetables and rice - vegetables. In these production systems, off-season cabbage production provides a higher income than the production of other vegetables in all vegetable production systems. Other vegetables were mainly sold to consumers in the province, except off-season vegetables. The supply of off-season vegetables is often much lower than the demand both in and outside the province. The main difficulties of households in production include low awareness and capacity of vegetable production, limited access to markets, unstable consumption and price of vegetables, lack of input resources. The study proposes to implement solution to improve vegetable production capacity and market access, especially for indigenous and off-season vegetables to improve vegetable production efficiency in the district.

Key words: vegetable production, farmer households, Bac Ha, Lao Cai.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kinh tế ngày càng phát triển thì đòi hỏi nhu cầu về chất lượng và an toàn thực phẩm ngày càng cao. Nhu cầu về thực phẩm trong đó có rau xanh không chỉ chú trọng số lượng mà

còn hướng đến mục tiêu an toàn, đảm bảo vệ sinh. Huyện Bắc Hà nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Lào Cai với tổng diện tích tự nhiên khoảng hơn 68 nghìn hecta và là nơi sinh sống của 14 dân tộc trong đó đa số là dân tộc thiểu số như H'mong, Dao, Tày, Nùng (UBND huyện Bắc Hà,

2017). Tổng diện tích rau của huyện hiện nay là 477ha và sản lượng hằng năm đạt trên 4.000 tấn (Hoàng Lê, 2019). Sản phẩm rau của Bắc Hà đã tiếp cận được thị trường Hà Nội và được người tiêu dùng đánh giá cao về chất lượng và chủng loại đặc biệt là các loại rau trái vụ. Trên địa bàn huyện cũng đã bắt đầu hình thành các vùng chuyên canh sản xuất rau theo hướng hàng hóa, theo tiêu chuẩn “an toàn, sạch bệnh”, điển hình ở các xã Na Hối, Tà Chải, và thị trấn Bắc Hà, góp phần cải thiện thu nhập cho nông dân (Huyền Trang, 2019). Tuy nhiên, sản xuất rau của Bắc Hà chưa tương xứng với tiềm năng và hiệu quả kinh tế chưa cao một phần do trình độ sản xuất của người dân còn thấp và chưa đồng đều, sản xuất chủ yếu dựa vào kinh nghiệm với một số tập quán canh tác lạc hậu và một phần do đầu tư chưa phù hợp và tiếp cận thị trường hạn chế (Umberger & cs., 2018). Sản xuất chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường cả về chủng loại, số lượng và chất lượng theo thời vụ, đặc biệt đối với các hộ sản xuất quy mô nhỏ.

Nghiên cứu này nhằm đánh giá kết quả sản xuất và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển sản xuất rau của của huyện Bắc Hà và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả và phát triển sản xuất rau hàng hóa tại huyện Bắc Hà trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập thông tin

Nghiên cứu sử dụng tài liệu thứ cấp bao gồm các tài liệu về chủ trương, chính sách và các báo cáo nghiên cứu khoa học và tạp chí chuyên ngành có liên quan về phát triển sản xuất rau trên địa bàn huyện Bắc Hà. Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua điều tra 105 hộ sản xuất rau trên địa bàn 3 xã của huyện. Ngoài ra đề tài tiến hành phỏng vấn sâu 2 cán bộ khuyến nông, cán bộ quản lý tại 2 hợp tác xã sản xuất và tiêu thụ rau và 5 người kinh doanh buôn bán rau trên địa bàn huyện Bắc Hà.

2.2. Phân tích thông tin

Phương pháp thống kê được sử dụng để tính toán các chỉ tiêu thống kê phản ánh hoạt động,

kết quả, hiệu quả sản xuất rau của hộ nhằm phân tích thực trạng và khả năng phát triển sản xuất rau của các hộ. Phương pháp so sánh được dùng để so sánh kết quả và hiệu quả của sản xuất rau theo điều kiện tự nhiên, nguồn lực, văn hóa... Đây là cơ sở quan trọng để đưa ra các định hướng phát triển và đánh giá được tiềm năng phát triển sản xuất rau chất lượng cao trên địa bàn huyện Bắc Hà trong thời gian tới.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm hộ sản xuất và hệ thống sản xuất rau của nông hộ tại huyện Bắc Hà

Kết quả điều tra trên địa bàn 3 xã cho thấy các hộ có diện tích chuyên rau ở xã Na Hối lớn nhất. Ở các xã khác, các hộ thường sản xuất rau kết hợp với trồng lúa và cây ăn quả. Tuy nhiên, đa số hộ nông dân trên địa bàn chưa coi sản xuất rau là nguồn thu nhập chính, chỉ coi rau là cây trồng kiếm thêm thu nhập. Trong tổng số mẫu điều tra, chủ hộ là nam giới chiếm 31% và số hộ có chủ hộ là nữ chiếm 32%. Tuổi bình quân của chủ hộ điều tra là 48. Đa số những người được phỏng vấn mới học hết tiểu học và trung học cơ sở và chủ yếu làm nông nghiệp (Bảng 1).

Về nguồn lực cho sản xuất rau, bình quân một hộ có hơn 4.600m², chủ yếu là đất vườn hoặc đất đồi. Kết quả điều tra cho thấy, trên 40% diện tích trồng rau phụ thuộc vào nước mưa. Đa số hộ trồng rau gần nhà trên đất vườn hoặc đất ruộng, chỉ có tỷ lệ nhỏ các hộ trồng rau trên nương xa nhà (Bảng 2).

Về hệ thống sản xuất rau, qua nghiên cứu khảo sát cho thấy sản xuất rau ở Bắc Hà tồn tại 3 hệ thống sản xuất bao gồm: (i) Hệ thống Rau - Rau (V-V); (ii) Cây ăn quả ôn đới - Rau (TF-R) và (iii) Hệ thống Lúa - Rau (R-V). Trong hệ thống V-V, bắp cải và các loại cải là cây trồng chính trong hệ thống sản xuất này. Đối với hệ thống V-V này, hai hình thức sản xuất rau chiếm ưu thế đó là sản xuất bắp cải cả năm và sản xuất bắp cải - rau cải các loại. Rau bắp cải chính vụ thường bắt đầu từ tháng 11 năm trước đến tháng 2 năm sau, bắp cải trái vụ từ tháng 4 đến cuối tháng 6 hàng năm và vụ bắp cải sớm từ tháng 7 đến tháng 10. Ở Bắc Hà, rau cải Mèo có

thể trồng quanh năm và bắp cải xòe là loại rau được coi là đặc sản vùng Tây Bắc. Trong hệ thống sản xuất TF-R, đa số nông dân trồng rau trên vườn đồi trong giai đoạn đầu phát triển vườn cây khi cây ăn quả chưa nhiều lá và bóng cây chưa chiếm hết diện tích vườn cây. Ngoài ra có một số hộ trồng rau trong vườn cây ăn quả khi lá cây rụng.

Đối với hệ thống R-V, rau được sản xuất quay vòng với lúa. Các hộ trồng rau trong hệ thống này chủ yếu tận dụng vụ đông để sản xuất rau. Do đó thu nhập từ sản xuất rau nhỏ do rau chính vụ của Bắc Hà khó cạnh tranh với các loại rau cùng chủng loại được sản xuất ở vùng đồng bằng Sông Hồng. Mô hình Lúa - Rau

chủ yếu ở những xã có diện tích rau nhỏ lẻ, sản xuất mang tính tự cung tự cấp là chính.

3.2. Hiệu quả sản xuất rau của các hộ nông dân

Về hiệu quả sản xuất rau, thu nhập bình quân/sào rau bắp cải chính vụ đạt khoảng 3.800.000 đồng/sào. Mặc dù chi phí của hệ thống V-V cao hơn hai hệ thống sản xuất rau còn lại, lợi nhuận của sản xuất bắp cải trong hệ thống chuyên rau V-V lại cao nhất, cao hơn gấp đôi so với hệ thống TF-V. Do bắp cải, cải xòe và cải Mèo là các loại rau hàng hóa chính, đề tài tập chung phân tích kết quả sản xuất của các loại rau này.

Bảng 1. Thông tin chung của nhóm hộ điều tra

Chỉ tiêu	Số lượng (n = 105)
Tổng số	129,0
Giới tính của chủ hộ (%)	
Nam	31,8
Nữ	32,0
Tuổi bình quân (năm)	48,2
Số năm đi học (năm)	6,8
Trình độ chuyên môn (%)	
Không	92,3
Trung cấp	6,2
Cao đẳng	0
Đại học	1,6
Đã sinh sống tại địa phương (năm)	41,6

Bảng 2. Một số nguồn lực cho sản xuất rau của hộ điều tra

Chỉ tiêu	Số lượng
Diện tích BQ/hộ (m ²)	4.692,1
Trong đó: % đất đồi	37,9
% nguồn thủy lợi:	
Nước ngầm	25,2
Nước mưa	42,5
Kênh mương	21,2
Ao hồ	5,1
Khác	6,0
Khoảng cách từ ruộng đến đường (km)	
Trung bình	0,5
Xa nhất	2,0

Nguồn: Nguyễn Hữu Nhuận & cs. (2018).

Bảng 3. Diện tích một số loại rau chính của các hộ

Các loại rau	R-V		TF-V		V-V	
	% số hộ trồng	Diện tích (m ²)	% số hộ trồng	Diện tích (m ²)	% số hộ trồng	Diện tích (m ²)
Bắp cải chính vụ	75,2	731,0	50,8	915,0	27,9	1711,0
Bắp cải trái vụ	10,5	1.360,0	30,8	1.389,0	39,2	1.867,0
Cải mèo	13,2	334,0	10,8	381,0	16,5	508,0
Cải xòe	1,0	345,0	6,2	428,0	13,9	656,0

Ghi chú: R-V: Lúa - Rau; TF-V: Cây ăn quả ôn đới - Rau; V-V: Rau - Rau.

Bảng 4. Kết quả sản xuất rau bắp cải chính vụ (bình quân 1 sào 1 vụ)

Chỉ tiêu	ĐVT	R-V	TF-V	V-V	Tổng
Tổng chi phí (TC)	1.000đ	901,1	620,1	1.061,3	837,9
Năng suất/sào/vụ	kg	1.346,9	764,9	1.088,7	1.145,3
GTSX/sào/vụ	1.000đ	5.278,2	2.941,6	6.240,0	4.708,2
(GO- TC)/vụ	1.000đ	4.377,1	2.321,5	5.178,7	3870,3

Ghi chú: ĐVT: Đơn vị tính; R-V: Lúa - Rau; TF-V: Cây ăn quả ôn đới - Rau; V-V: Rau - Rau.

Bảng 5. Hiệu quả sản xuất bắp cải trái vụ (bình quân 1 sào 1 vụ)

Chỉ tiêu	ĐVT	R-V	TF-V	V-V	Tổng
Tổng chi phí (TC)	1.000đ	822,5	738,2	1.076,7	884,3
Năng suất/sào/vụ	kg	692,0	730,1	1.028,2	848,6
GTSX/sào/vụ	1.000đ	3.152,0	3.868,1	9.653,6	6.169,8
(GO- TC)/vụ	1.000đ	2.329,5	3.129,9	8.576,9	5.285,4

Ghi chú: ĐVT: Đơn vị tính; R-V: Lúa - Rau; TF-V: Cây ăn quả ôn đới - Rau; V-V: Rau - Rau.

So với rau chính vụ, rau trái vụ có chi phí tương tự trong hệ thống sản xuất V-V nhưng lợi nhuận cao gấp gần 1,7 lần. Tuy nhiên bắp cải trái vụ lại cho thu nhập thấp hơn chính vụ trong hệ thống R-V do năng suất bắp cải trái vụ chỉ bằng một nửa so với rau bắp cải chính vụ trong hệ thống sản xuất này.

Bắp cải xòe chỉ được sản xuất trong hệ thống TF-V và V-V. So với bắp cải thì thu nhập từ bắp cải xòe thấp hơn nhưng chi phí cũng khá thấp. Thu nhập của sản xuất bắp cải xòe trong hệ thống V-V cao hơn so với hệ thống TF-V. Mặc dù thu nhập không lớn hơn bắp cải trái vụ nhưng giá rau bắp cải xòe khá ổn định và sản xuất sản phẩm này có nhiều ưu thế với Bắc Hà.

Khác với bắp cải, bắp cải xòe và các loại rau

khác, sản xuất cải mèo phù hợp hơn với hệ thống TF-V do đó cho năng suất cao hơn với mức chi phí thấp và doanh thu cao. Hơn nữa cải mèo có thể phát triển quanh năm, ít sâu bệnh, do đó đây cũng là hệ thống sản xuất xen canh tiềm năng cho người dân Bắc Hà.

Nếu so sánh các hệ thống sản xuất khác nhau, kết quả phân tích cho thấy sản xuất bắp cải trái vụ cho thu nhập cao hơn so với sản xuất các loại rau khác ở tất cả các hệ thống sản xuất rau. Thu nhập bình quân/sào rau bắp cải trái vụ là gần 5,3 triệu đồng. Thu nhập từ sản xuất bắp cải có sự khác biệt lớn trong hệ thống sản xuất rau V-V do có sự khác biệt rất lớn về giá giữa các hộ nông dân có chất lượng rau khác nhau và thời điểm thu hoạch khác nhau.

Mặc dù thu nhập từ cải Mèo thấp nhất, bình quân khoảng 2,4 triệu đồng/sào nhưng nông dân đánh giá là dễ trồng, không tốn chi phí về giống và có thể trồng trên nhiều loại đất, đặc biệt phù hợp với các vườn cây ăn quả. Đây cũng là một lợi thế của hệ thống sản xuất xen canh rau - quả, góp phần nâng cao thu nhập cho nông hộ. Nhìn chung nông dân thuộc hệ thống V-V thu được thu nhập cao hơn các hệ thống sản xuất khác, trừ thu nhập đối với cải Mèo.

3.3. Thực trạng tiêu thụ rau tại huyện Bắc Hà

Nhìn chung, rau được bán cho người tiêu dùng ở địa phương là chủ yếu, chiếm khoảng 50-80% tùy theo từng loại rau. Đối tượng mua rau cải xòe đa dạng hơn so với các loại rau khác.

Rau cải xòe được bán cho các đối tượng như người bán buôn, nhà hàng và HTX nhiều nhất vì đây được coi là loại rau đặc sản của Bắc Hà. Đối với cải Mèo, đối tượng tiêu thụ chính vẫn là người tiêu dùng địa phương. Nông dân trong hệ thống chuyên rau đã tiêu thụ cải Mèo cho các siêu thị trong và ngoài tỉnh, đặc biệt Hà Nội như chuỗi cửa hàng Bacsim; Cty Thực phẩm sạch BigGreen; hệ thống cửa hàng Ecomart; Cty TNHH VinaGAP... với sự hỗ trợ của dự án ACIAR.

Về diễn biến giá rau, hầu hết nông dân cho rằng giá rau thấp nhất vào thời điểm giữa tháng 10 năm trước và tháng 02 của năm sau (vụ đông) khi nông dân ở nhiều vùng có thể trồng bắp cải, su hào hoặc su su. Rau bán với giá cao hơn lúc trái vụ hoặc đầu vụ, thời gian giữa tháng 05 và tháng 10 hàng năm.

Bảng 6. Hiệu quả sản xuất rau bắp cải xòe (bình quân 1 sào 1 vụ)

Chỉ tiêu	ĐVT	TF-V	V-V	Tổng
Tổng chi phí (TC)	1.000đ	358,4	796,2	671,1
Năng suất/sào/vụ	kg	395,8	752,9	650,9
GTSX/sào/vụ	1.000đ	2.656,2	3.457,4	3.228,5
(GO- TC)/vụ	1.000đ	2.369,7	3.182,1	2.949,9

Ghi chú: ĐVT: Đơn vị tính; TF-V: Cây ăn quả ôn đới - Rau; V-V: Rau - Rau.

Bảng 7. Hiệu quả sản xuất rau cải mèo (bình quân 1 sào 1 vụ)

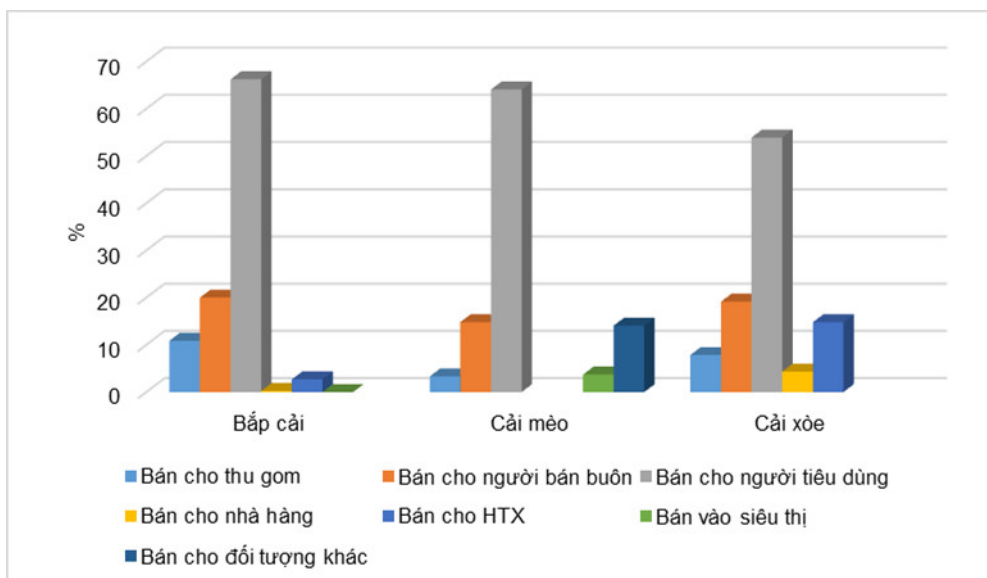
Chỉ tiêu	ĐVT	R-V	TF-V	V-V	Tổng
Tổng chi phí (TC)	1.000đ	90,0	126,0	681,9	517,9
Năng suất/sào/vụ	kg	360,0	720,0	436,5	470,9
GTSX/sào/vụ	1.000đ	2.160,0	5.760,0	2.376,0	2.904,0
(GO- TC)/vụ	1.000đ	2.070,0	5.634,0	1.733,6	2.439,8

Ghi chú: ĐVT: Đơn vị tính; R-V: Lúa - Rau; TF-V: Cây ăn quả ôn đới - Rau; V-V: Rau - Rau.

Bảng 8. Thu nhập từ sản xuất rau của các hộ điều tra (bình quân 1 sào 1 vụ)

Rau	R-V	TF-V	V-V	Tổng
Bắp cải chính vụ	4.377,1	2.321,5	5.178,7	3.870,3
Bắp cải trái vụ	2.329,5	3.129,9	8.576,9	5.285,4
	2.070,0	5.634,0	1.733,6	2.439,8
Bắp cải xòe		2.369,7	3.182,1	2.950,0

Ghi chú: R-V: Lúa - Rau; TF-V: Cây ăn quả ôn đới - Rau; V-V: Rau - Rau.



Hình 1. Tình hình tiêu thụ rau theo đối tượng người mua

3.4. Yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất rau tại huyện Bắc Hà

- Điều kiện tự nhiên và sâu bệnh: Bắc Hà được thiên nhiên ưu đãi, điều kiện khí hậu luôn mát mẻ với nhiệt độ bình quân hàng năm 18,9°C. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất các loại rau trái vụ, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng khan hiếm của thị trường du lịch như Sapa, đặc biệt thị trường Hà Nội trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 10. Trong thời điểm sản xuất trái vụ nguy cơ sâu bệnh hại cao hơn so với thời điểm chính vụ ảnh hưởng đến năng suất cũng như chất lượng sản phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhiều ý kiến cho rằng sâu bệnh bắp cải là vấn đề nghiêm trọng, đặc biệt đối với sản xuất rau trái vụ. Ở các loại rau khác, sâu bệnh cũng được xem là một trong những yếu tố có ảnh hưởng lớn đến chất lượng rau của địa phương trong khi trình độ sản xuất của người dân còn hạn chế.

- Điều kiện sản xuất và trình độ của hộ sản xuất: Bắc Hà nằm trong khu vực vùng đồi núi cao, địa hình bị chia cắt mạnh nên việc khai thác nguồn nước phục vụ cho đời sống và phát triển sản xuất gặp nhiều khó khăn. Diện tích đất nhiều nhưng phân bố nhỏ lẻ, manh mún thành nhiều mảnh không liên kết, chủ yếu là ruộng bậc thang, điều này đã cản trở quá trình mở rộng sản xuất rau trái vụ theo hướng hàng

hóa, tập trung quy mô lớn (Đức Nguyễn, 2020). Sản xuất rau trái vụ là lợi thế của huyện, tuy nhiên chủ yếu do hộ gia đình, cá nhân tiến hành vì vậy trình độ sản xuất kinh nghiệm của người sản xuất có ảnh hưởng lớn đến quá trình và tập quán sản xuất này có ưu thế là các hộ có thể chủ động trong việc bố trí sản xuất, tận dụng lao động gia đình. Theo kết quả điều tra, việc sản xuất rau theo hướng sản xuất hàng hóa trên địa bàn mới bước đầu triển khai và nhân rộng quy mô nên trình độ của các hộ không cao. Hiểu biết của hộ về sản xuất rau an toàn, sản xuất rau theo quy trình VietGAP còn rất hạn chế.

- Quy hoạch và tổ chức sản xuất rau: Công tác quy hoạch phát triển vùng sản xuất rau, đặc biệt trái vụ ở Bắc Hà bước đầu có sự quan tâm, chỉ đạo và sự vào cuộc của các cấp chính quyền địa phương từ cấp huyện đến cấp xã, đã hình thành được một số mô hình kinh tế hợp tác. Tại thời điểm điều tra, trên địa bàn có các hình thức tổ chức sản xuất đó là: hộ nông dân, trạm nghiên cứu và phát triển cây ôn đới, các tổ hợp tác, các HTX nhưng hình thức tổ chức kinh tế nông hộ là hình thức chủ đạo nên việc sản xuất và tiêu thụ còn mang tính tự phát, chưa có quy hoạch chung. Một số mô hình hợp tác sản xuất rau thành công như HTX Dì Thành, tổ nhóm sản xuất rau Na Khèo nhưng chưa được nhân rộng và đầu tư nhiều. Công tác quy hoạch sản xuất trong các mô hình này chưa cụ thể, chi tiết

với từng thôn và từng loại rau nên quy mô sản xuất của các hộ vẫn nhỏ lẻ, phân tán, chưa phát huy tốt tiềm năng của vùng.

- Thị trường tiêu thụ: Hiện nay trên địa bàn huyện, sản xuất rau vẫn chủ yếu được người sản xuất mang trực tiếp ra ngoài chợ bán với lượng bán được ít, chỉ phù hợp với hộ có quy mô sản xuất nhỏ. Hình thức bán thông qua thương lái còn ít. Tiêu thụ qua thương lái sẽ bán được lượng rau lớn hơn, tập trung hơn, tuy nhiên giá không được cao do thương lái sẽ mua tại vườn. Hình thức này phù hợp với nhóm hộ quy mô vừa và nhóm quy mô lớn.

3.6. Giải pháp phát triển sản xuất rau tại huyện Bắc Hà

Từ phân tích kết quả và các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ rau của huyện Bắc Hà, chúng tôi đưa ra các nhóm giải pháp cơ bản như sau:

- Quy hoạch vùng sản xuất rau: Các cơ quan quản lý cần tập trung quy hoạch lại vùng sản xuất rau chính vụ, rau trái vụ và rau bản địa. Khuyến khích bà con thành lập các tổ nhóm và các HTX sản xuất rau. Để thực hiện mục đích này huyện cần chỉ đạo các xã cần thực hiện tốt các biện pháp sau: (i) Lập phương án xây dựng đầu tư cho vùng sản xuất; (ii) Xem xét và tính toán lại diện tích có khả năng trồng rau chất lượng cao theo các hệ thống sản xuất, với đủ điều kiện về đất, nước và nhân lực theo quy định để sản xuất theo qui trình sản xuất rau chất lượng cao như VietGAP; (iii) Lựa chọn giống tốt và bố trí luân canh cây trồng phù hợp để tăng năng suất và sản lượng, hạn chế rủi ro, phòng trừ sâu bệnh và hạn chế sử dụng thuốc BVTV...

- Nâng cao nhận thức và năng lực cho người sản xuất: Đối với người dân địa phương, cần nâng cao hiểu biết về sản xuất rau chất lượng cao, đặc biệt rau trái vụ và rau bản địa như cải mè, bắp cải xòe, và khởi tử thông qua tổ chức các lớp tập huấn cho nông dân. Tổ chức hội thảo đầu bờ, hội thi nông dân giỏi nhằm động viên khích lệ và trao đổi kinh nghiệm sản xuất. Tăng cường tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến thương mại, nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất rau chất lượng cao theo quy trình rau an toàn

đến người sản xuất và người tiêu dùng. Bên cạnh đó tuyên truyền tác dụng của quy trình sản xuất an toàn mang lại cho người sản xuất, người tiêu dùng và môi trường qua nhiều hình thức như đài báo, website, các tài liệu kỹ thuật, tờ rơi, tổ chức các tổ chức các hội nghị, tọa đàm doanh nghiệp và tác nhân.

- Tăng cường ứng khoa học công nghệ sản xuất rau chất lượng cao: Đối với cây rau trên địa bàn huyện những năm gần đây năng suất, chất lượng đã được tăng lên. Tuy nhiên đa số các hộ điều tra đều cho rằng họ gặp khó khăn về kỹ thuật, đặc biệt trong sản xuất rau trái vụ. Do đó để phát triển sản xuất rau chất lượng cao cần chú trọng đến các yếu tố: (i) Giống rau trái vụ phù hợp và rau bản địa có chất lượng; thử nghiệm các giống rau mới thị trường đang có nhu cầu cao (Umberger & cs., 2018); (ii) Hoàn thiện quy trình sản xuất rau chất lượng cao và xây dựng các mô hình trình diễn đầu bờ để người dân tham quan học hỏi; (iii) Tăng cường đưa các loại phân hữu cơ vi sinh vào sử dụng thay thế phân vô cơ; (iv) Thực hiện đầy đủ yếu tố kỹ thuật với thuốc bảo vệ thực vật theo 4 nguyên tắc: đúng thuốc, đúng nồng độ liều lượng, đúng phương pháp, đúng nơi, đúng lúc.

- Phát triển thị trường tiêu thụ rau chất lượng cao:

Trong điều kiện sản xuất rau hiện nay, vấn đề được các hộ quan tâm nhất là thị trường tiêu thụ sản phẩm. Thị trường tiêu thụ chính của các sản phẩm rau trái vụ là các chợ, cửa hàng tại địa phương và thông qua thương lái, lái buôn chuyển về các chợ đầu mối hoặc các địa phương khác. Mặc dù nhu cầu về các loại rau trái vụ ở một số thị trường đồng bằng đặc biệt là thị trường Hà Nội cao nhưng việc tiếp cận với các thị trường này còn gặp nhiều khó khăn.

Địa phương cần hỗ trợ các HTX và người dân tổ chức hội chợ, hội thảo thử nếm để quảng cáo sản phẩm rau, đặc biệt rau bản địa của địa phương. Tiêu chuẩn hóa, xây dựng và phát triển thương hiệu rau chất lượng cao để góp phần nâng cao trách nhiệm người tham gia kinh doanh rau, tạo niềm tin của người tiêu dùng. Đẩy mạnh tuyên truyền quảng bá rau của địa phương thông qua khách du lịch đến địa phương và các phương tiện truyền thông khác.

Mở rộng phân phối trực tiếp từ người sản xuất tới người tiêu dùng. Liên kết với các doanh nghiệp, HTX trong và ngoài huyện để phân phối sản phẩm, cũng như trong sản xuất. Tăng cường mối liên kết giữa người sản xuất và các thương lái, doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh các sản phẩm rau an toàn, rau trái vụ. Hướng tới đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm rau chất lượng cao qua các kênh siêu thị, nhà hàng hiện có và tiềm năng, đặc biệt từ các thành phố lớn vùng đồng bằng sông Hồng như Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh từ đó đẩy mạnh tiêu thụ và nâng cao thu nhập cho người sản xuất rau.

4. KẾT LUẬN

Trên địa bàn hiện nay tồn tại ba hệ thống sản xuất rau chính bao gồm: hệ thống sản xuất Rau - Rau; Cây ăn quả ôn đới - Rau và Lúa - Rau. Nông dân ở hệ thống sản xuất V-V có chi phí cao nhất trong cho cả chính vụ và trái vụ do chi phí thuốc bảo vệ thực vật cao hơn. Bắp cải trái vụ cũng đòi hỏi đầu tư cao hơn so với bắp cải chính vụ. Chi phí sản xuất cải mè thấp nhất trong các loại rau. Chi phí sản xuất bắp cải xòe xấp xỉ với chi phí sản xuất cải mè. Nếu so sánh các hệ thống sản xuất khác nhau, sản xuất bắp cải trái vụ cho thu nhập cao hơn so với sản xuất các loại rau khác ở tất cả các hệ thống sản xuất rau. Các loại rau cải khác chủ yếu bán cho người tiêu dùng ở trong tỉnh, trừ rau trái vụ có lượng tiêu thụ ngoại tỉnh lớn hơn. Lượng cung rau trái vụ thường thấp hơn rất nhiều so với nhu cầu ở hầu hết thị trường nhưng chuyển dịch từ sản xuất cây lương thực như lúa và ngô sang sản xuất rau vẫn rất hạn chế.

Các vấn đề khó khăn trong sản xuất rau của hộ được xác định bao gồm: nhận thức và năng lực sản xuất tiếp cận thị trường của hộ sản xuất còn thấp, tiêu thụ rau khó và giá bán sản phẩm thấp lúc chính vụ, bắp bệnh; thiếu kỹ thuật trồng rau trái vụ, năng suất thấp; sâu bệnh; giá phân bón cao, thiếu phân hữu cơ, đất tươi bạc màu, thiếu nước tưới và ảnh hưởng bởi các hiện tượng thời tiết cực đoan khác như mưa đá, bão và hạn hán ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất rau, đặc biệt bắp cải xòe. Những mặt mạnh và cơ hội của sản xuất rau huyện Bắc

Hà được xác định bao gồm: kinh nghiệm sản xuất rau, đặc biệt rau bản địa; nguồn lực đất đai và điều kiện tự nhiên thuận lợi cho sản xuất rau; đã có sự liên kết trong sản xuất thông qua các tổ nhóm và HTX, hình thành một số mô hình sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện và nhu cầu tiêu dùng rau chất lượng cao, đặc biệt rau trái vụ, rau bản địa ngày càng cao ở thị trường lớn như Hà Nội và các tỉnh lân cận. Do vậy việc thực hiện đồng bộ từ nâng cao nhận thức, trình độ kỹ thuật sản xuất rau cho nông hộ đến quy hoạch và tổ chức sản xuất theo định hướng thị trường, khai thác thế mạnh mùa vụ và sản phẩm rau bản địa sẽ góp phần phát triển sản xuất rau hàng hóa bền vững trên địa bàn huyện Bắc Hà.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đức Nguyễn (2020). Bắc Hà gỡ khó trong sản xuất ứng dụng công nghệ cao. Báo Lào Cai. Truy cập tại <http://www.baolaocai.vn/kinh-te/bac-ha-go-kho-trong-san-xuat-ung-dung-cong-nghe-cao-z3n20200327160139191.htm>, ngày 30/4/2020.
- Huyền Trang (2019). Lào Cai: Triển vọng nhờ trồng rau sạch. Thời báo kinh doanh. Truy cập tại: <https://doanhnghiepv.vn/kinh-te/lao-cai-trien-vong-nho-trong-rau-sach-20191129124646000>, ngày 20/04/2019.
- Hoàng Lê (2019). Lào Cai Lào Cai: Trồng rau an toàn giúp nhiều hộ dân thoát nghèo. Thời báo kinh doanh. Truy cập tại <https://doanhnghiepv.vn/kinh-te/lao-cai-trong-rau-an-toan-giup-nhieu-ho-dan-thoat-ngheo-20191202034752690>, ngày 18/3/2020.
- Nguyen Huu Nhuan, Nguyen Thi Thu Huyen, Nguyen Thi Duong Nga, Pham Van Hung, Pham Kieu My, Ninh Xuan Trung & Dale Yi (2018). Improving vegetable farming systems and marketing for small-scale producers in Bac Ha district, Lao Cai province. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. 16(9).
- Wendy Umberger, Nikki Dumbrell, Paul Milham, Phan Thuy Hien, Pham Thi Mai Huong, Dindo Campilan, Rosalie Daniel, Chu Thi My, Len Tesoriero, Nguyen Hoang Viet, Steven Underhill, Tran Thanh Nhan, Nguyen Huu Nhuan, Nguyen Anh Duc, Tran Minh Tien, Stephen Harper, Nguyen Thi Tan Loc, Nguyen Thi Hang, Ha Thi Tra My, Nguyen Hien, Oleg Nicetic & Christian Genova. (2018). Project Towards more profitable and sustainable vegetable farming systems in north-western Vietnam. ACIAR.
- UBND huyện Bắc Hà (2017). Báo cáo kinh tế xã hội huyện Bắc Hà.